

Bản án số: 48/2021/DS-PT

Ngày: 20-4-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo
Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 267/2020/TLPT ngày 25/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Số 872, khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị N, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 46 Nguyễn Tri P1, khu phố T1, phường T2, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 006121, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/9/2020 của Văn phòng công chứng P, tỉnh Bình Phước). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trà Thị Mỹ H, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu phố 5, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Thanh T3 (tên thường gọi: S1), sinh năm 1974, địa chỉ: Khu phố 5, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trà Thị Mỹ H và ông Huỳnh Thanh T3: Ông Đinh Quang S1, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn 8, xã N1, huyện B1, tỉnh

Bình Phước (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 006685, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2020 của Văn phòng công chứng Nguyễn H1, tỉnh Bình Phước). (có mặt)

Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bà H ông T3 là ông Đinh Quang S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và Người đại diện nguyên đơn Bà Trần Thị N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi là) có quan hệ quen biết với vợ chồng Bà Trà Thị Mỹ H, Ông Huỳnh Thanh T3 hay thường gọi là ông S1 (sau đây gọi là bà H, ông T3), nên thường xuyên cho vay tiền vào năm 2017 và 2018 để kinh doanh mua bán hạt điều của gia đình bà H, ông T3. Ngày 06/4/2018 bà H có viết giấy mượn tiền bà T số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) và số tiền lãi của khoản tiền vay khác trước đó tính đến ngày 06/4/2018 là 120.900.000 đồng, hai bên chốt số tiền bà H, ông T3 nợ bà T là 1.120.900.000 đồng.

Sau ngày 06/4/2018, bà H có trả cho bà T số tiền này cụ thể như sau:

- Ngày 09/8/2018 trả 300.000.000 đồng;
- Ngày 20/9/2018 trả 100.000.000 đồng;
- Ngày 02/02/2019 trả 100.000.000 đồng.

Như vậy, bà H đã trả bà T tổng cộng 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng. Hiện bà H, ông T3 vẫn còn nợ bà T số tiền 620.900.000 đồng.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu, buộc Bà Trà Thị Mỹ H và Ông Huỳnh Thanh T3 cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 620.900.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 06/4/2018 đến nay.

Nguyên đơn bà T cho rằng số tiền cho bà H, ông T3 vay này không liên quan đến tài sản chung của gia đình bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Xuân Đ1 là chồng bà T cũng trình bày không liên quan đến khoản tiền này và xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

*** Bị đơn bà H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T3 và Người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông T3 là ông Đinh Quang S1 cùng thống nhất trình bày:**

Ngày 06/4/2018, bà H có viết giấy mượn tiền bà T số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) gốc vay và tiền lãi của số tiền vay trước đó chưa trả tính đến ngày 06/4/2018 là 120.900.000 đồng, nên số tiền bà H, ông T3 nợ bà T vào ngày 06/4/2018 là 1.120.900.000 đồng. Bà H, ông T3 có trả cho bà T 04 khoản tiền liên quan đến khoản nợ này, cụ thể như sau: Ngày 16/6/2018, bà T nhận 600 triệu đồng; ngày 09/8/2018 bà T nhận 300.000.000 đồng; ngày 20/9/2018 bà T nhận 100.000.000 đồng và ngày 02/02/2019 bà T nhận 100.000.000 đồng. Như vậy, bà T đã nhận tổng cộng 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng do bà H, ông T3 trả.

Nay bà H, ông T3 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với số tiền 620.900.000 đồng và tiền lãi của số tiền này. Bà H, ông T3 đồng ý cùng có trách nhiệm trả cho bà T khoản tiền còn lại 20.900.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/4/2018 đến nay theo quy định pháp luật là 10%/ năm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc Bà Trà Thị Mỹ H và Ông Huỳnh Thanh T3 có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị T số tiền tổng cộng là 776.125.000đ (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc vay là 620.900.000 đồng và số tiền lãi suất vay là 155.225.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/10/2020, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Quang S1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà H, ông T3 có trách nhiệm trả số tiền 20.900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/02/2019 đến nay cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Sús, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Quang S1 trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đinh Quang S1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Các bên đương sự đều trình bày thống nhất được về các nội dung: Bà T nhiều lần cho bà H vay các khoản tiền lớn. Vào ngày 06/4/2018 bà T cho bà H vay số tiền 1.000.000.000 đồng, khi đó có lập giấy biên nhận mượn tiền. Theo giấy biên nhận mượn tiền ngày 06/4/2018 (bút lục 29) thể hiện bà H vay của bà T

số tiền 1.000.000.000 đồng và tiền lãi vay của các khoản tiền trước đó chưa trả là 120.900.000 đồng, tổng cộng 1.120.900.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng). Sau khi lập giấy biên nhận, vợ chồng bà H đã trả nợ cho bà T 03 lần với tổng số tiền 500.000.000 đồng, cụ thể: ngày 09/8/2018 trả 300.000.000 đồng, ngày 20/9/2018 trả 100.000.000 đồng, ngày 02/02/2019 trả 100.000.000 đồng. Những nội dung trên được các bên thừa nhận nên được coi là sự thật không cần phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với số tiền 620.900.000 đồng còn lại, vợ chồng bị đơn bà H ông T3 cho rằng vào ngày 16/6/2018 tức ngày 03/4/2018 âm lịch ông T3 là người mang 600.000.000 đồng đến trả cho bà T, khi đó ông T3 có yêu cầu bà T mang sổ nợ ra để gạch nhưng bà T nói sổ con dâu giữ không có chìa khóa tủ lấy rồi bà T có viết biên nhận cho ông T3 (ông S1) với nội dung: “16/ Chị T nhận của bà H ông S1 600 sáu trăm triệu đồng” (bút lục 36b), như vậy bà H ông T3 chỉ còn nợ bà T 20.900.000 đồng. Còn nguyên đơn bà T thì cho rằng: vào ngày 16/6/2018 vợ chồng bà H ông T3 không trả bất cứ khoản tiền nào, nội dung biên nhận “16/ Chị T nhận của H sáu trăm triệu đồng” là bà T viết khi nhận số tiền 600.000.000 đồng bà H trả cho khoản vay 650.000.000 đồng mà bà H đã vay vào các ngày 02/01/2018 vay 150.000.000 đồng, ngày 05/01/2018 vay 300.000.000 đồng và ngày 08/01/2018 vay 200.000.000 đồng (theo bà T: đến ngày 21/4/2018 bà H trả nốt 50.000.000 đồng là hết nợ cho khoản vay 650 triệu); ngày bà T viết biên nhận này là ngày 16/01/2018 chứ không phải 16/6/2018 như phía bị đơn trình bày.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phía bị đơn và người liên quan là ông T3 (ông S1) trình bày có sự mâu thuẫn về ngày trả số tiền 600.000.000 đồng trên. Cụ thể: trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà H ông T3 cho rằng, do bà T không ghi đầy đủ tháng và năm vào trong biên nhận mà chỉ ghi ngày “16/” nên về nhà bà H mới tự ghi thêm vào mặt sau của giấy biên nhận nội dung “Hôm nay thứ bảy ngày 16-6-2018 tức là 3-4 AL H trả cho T 600 triệu đồng”; mặt sau giấy biên nhận này là phiếu cân xe thể hiện ngày cân 12/01/2018 nên đây chính là khoản tiền bà H ông T3 trả cho khoản vay 1.120.900.000 đồng ngày 06/4/2018. Nhưng, tại phiên tòa phúc thẩm bà H lại cho rằng do bà bận việc gia đình nên đưa tiền cho ông T3 đi trả bà T, sau khi ông T3 mang biên nhận trả tiền do bà T viết về bà H cất trong tủ, sau này bà mới lấy ra thấy không ghi ngày nên bà mới tự ghi vào nội dung “Hôm nay thứ bảy ngày 16-6-2018 tức là 3-4 AL H trả cho T 600 triệu đồng”. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 16-6-2018 dương lịch nhằm ngày 03/5/2018 âm lịch chứ không phải 03/4/2018 âm lịch. Trong khi bà T thừa nhận vào ngày 16 bà có nhận của bà H 600.000.000 đồng nhưng là ngày 16/01/2018 và tiền này trả cho khoản vay 650.000.000 đồng như thể hiện ở phần trên, do ngày này bà không có chìa khóa để lấy sổ nợ ra gạch nên có viết biên nhận cho bà H vào mặt sau phiếu cân xe ngày 12/01/2018, sau đó bà có ghi chú vào sổ nợ phía dưới biên nhận nợ ngày 08-01-2018 nội dung “16/1 ông S1 bà H trả 600.000 chưa trả lời” (bút lục 38); đối với số tiền 50.000.000 đồng còn lại trong khoản nợ 650.000.000đ thì đến ngày 21/4/2018 bà H đã trả, được bà T ghi chú tại sổ theo dõi nợ (bút lục 25a). Do đó,

không có căn cứ khẳng định ngày 16/6/2018 bà H ông T3 trả cho bà T số tiền 600.000.000 đồng cho số tiền 620.900.000 đồng còn lại trong tổng số nợ 1.120.900.000 đồng vay ngày 06/4/2018. Ngoài ra, các đoạn thoại ghi âm vào các ngày 08/08/2019, 20/04/2020 và 18/05/2020 đều thể hiện nội dung bà T đòi tiền bà H và bà H là người xin khẩn nợ.

[2.4] Do bà H ông T3 không chứng minh được mình đã trả số tiền 600.000.000 đồng vào ngày 16/6/2018 nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H ông T3 phải trả số tiền vay gốc 620.900.000 đồng cho bà T là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Do ngày 06/4/2018 bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 1.120.900.000 đồng, đến ngày 02/02/2019 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền 500.000.000 đồng, còn nợ lại 620.900.000 đồng; đồng thời các bên đều xác nhận việc vay tiền có tính lãi nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi trên số tiền chưa thanh toán từ ngày 06/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Thời gian tính lãi được tính như sau:

Từ ngày 06/4/2018 đến ngày 09/10/2020 (làm tròn 30 tháng):

$620.900.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 30 \text{ tháng} = 155.225.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị đơn bà H, ông T3 phải trả cho bà T là: $620.900.000 \text{ đồng} + 155.225.000 \text{ đồng} = 776.125.000 \text{ đồng}$.

[4] Từ những phân tích trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Đinh Quang S1 là người đại diện theo ủy quyền của bà H ông T3, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H và ông T3 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của ông Đinh Quang S1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bà Trà Thị Mỹ H và người liên quan Ông Huỳnh Thanh T3 (tên thường gọi: S1).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274; 275; 278; 280; 288; 463; 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc Bà Trà Thị Mỹ H và Ông Huỳnh Thanh T3 (tên thường gọi: S1) có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị T số tiền 776.125.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền gốc vay là 620.900.000 đồng và số tiền lãi là 155.225.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị Mỹ H và Ông Huỳnh Thanh T3 phải chịu 35.045.000 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng);

Nguyên đơn bà T không phải chịu. Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 14.418.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm mười tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006842 ngày 11/6/2020.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trà Thị Mỹ H và, Ông Huỳnh Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đinh Quang S1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007016 ngày 27/10/2020 tại Chi cục thi hành án thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi